

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: **280/2022/HNGĐ-ST**
Ngày 28 - 7 - 2022
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Trương Huỳnh Hải.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Thanh Hiện.

Bà Lâm Yến Nhi.

- Thư ký phiên toà: Bà Dương Thị Thêu - Thư ký Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Ngày 28 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 322/2022/TLST-HNGĐ ngày 06/6/2022 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 285/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 13/7/2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Dư Mỹ D, sinh năm 1993.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Tuấn A, sinh năm 1988.

Cùng địa chỉ: Khóm 6, thị trấn S, huyện T, tỉnh Cà Mau.

Nguyên đơn, bị đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 06/6/2022 của nguyên đơn có tại hồ sơ, thể hiện: Vào năm 2006 chị D và anh Anh tự nguyện sống chung với nhau, đến năm 2014 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn S, huyện T, tỉnh Cà Mau vào ngày 19/6/2014 (Giấy chứng nhận kết hôn số: 153/2014). Thời kỳ hôn nhân có 02 con chung tên Nguyễn D P, sinh 15/02/2006, Nguyễn Nhã T, sinh 29/3/2009 (Các con chung hiện nay chị D đang trực tiếp nuôi dạy).

Về tài sản chung và nợ chung không có.

Nguyên nhân mâu thuẫn: Chị D xác định do anh Anh ngoại tình chung sống với người phụ nữ khác như vợ chồng, không quan tâm đến vợ con, từ đó cuộc sống vợ chồng thường xuyên xảy ra nhiều mâu thuẫn trầm trọng không hàn được.

Chị D yêu cầu ly hôn với anh Anh. Về con chung chị D yêu cầu được nuôi 02 con chung, không yêu cầu anh Anh cấp dưỡng cho con. Về tài sản chung và nợ chung không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

- **Tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 03/7/2022 của bị đơn có tại hồ sơ, thể hiện:** Do công việc nên anh Anh đề nghị xin vắng mặt. Đồng ý ly hôn với chị D.

- **Quá trình giải quyết vụ án ghi nhận được:** Cháu P và cháu T có nguyện vọng được sống với chị D.

Từ những nội dung vụ án thể hiện;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Xét về quyền khởi kiện, quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:* Nguyên đơn thực hiện quyền khởi kiện bị đơn về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con và bị đơn có nơi cư trú tại huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau nên Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau thụ lý giải quyết vụ án dân sự “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 186 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Xét về thủ tục:* Nguyên đơn, bị đơn có đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[3] *Xét yêu cầu và ý kiến của đương sự:*

[3.1] *Về yêu cầu ly hôn:* Mỗi quan hệ hôn nhân giữa chị D và anh Anh được xác lập trên tinh thần tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, nên mỗi quan hệ hôn nhân là hợp pháp. Hội đồng xét xử xét thấy cuộc sống hôn nhân nếu muốn có được hạnh P dài lâu và đạt được mục đích thì vợ chồng phải bình đẳng với nhau về quyền và nghĩa vụ, đồng thời phải biết thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau và sống chung với nhau. Nhưng chị D và anh Anh không làm được điều đó, mà lại làm cho đời sống hôn nhân lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống hôn nhân không có được hạnh P, vợ chồng không hàn gắn trở lại được. Quá trình giải quyết vụ án chị D cương quyết ly hôn với anh Anh, đồng thời anh Anh xin vắng mặt và cũng thể hiện ý kiến đồng ý ly hôn với chị D. Như vậy, chứng minh được chị D và anh Anh đã vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ chồng, nếu tiếp tục duy trì mỗi quan hệ hôn nhân về sau thì sẽ không đảm bảo hạnh P và trái với các nguyên tắc cơ bản của chế độ hôn nhân và gia đình hiện nay, nên cần chấp nhận cho chị D được ly hôn với anh Anh là phù hợp với Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình. (Giấy chứng nhận kết hôn số: 153/2014 ngày 19/6/2014 của Ủy ban nhân dân thị trấn S, huyện T, tỉnh Cà Mau hết hiệu lực kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật).

[3.2] *Về con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng cho con:*

- Về việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn: Hội đồng xét xử xét thấy cháu Nguyễn D P và cháu Nguyễn Nhã T đã trên 07 tuổi, các cháu có nguyện vọng được sống với chị D, và chị D không thuộc trường hợp không đủ điều kiện trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con, nên giao các

cháu cho chị D nuôi dạy là phù hợp với khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Anh Nguyễn Tuấn A có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, anh Anh có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống với chị D; nếu anh Anh lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị D có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con theo quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 82, khoản 2 Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình. Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định của pháp luật.

- Về nghĩa vụ cấp dưỡng cho con: Chị D không yêu cầu anh Anh cấp dưỡng cho con, xét thấy đây cũng là sự tự nguyện của chị D, nên không xem xét.

[3.3] *Về tài sản chung và nợ chung*: Chị D cho rằng tài sản chung và nợ chung không có, trong quá trình giải quyết vụ án chưa ghi nhận được ý kiến của anh Anh về vấn đề tài sản chung và nợ chung, nên không có căn cứ làm rõ phần tài sản chung và nợ chung giữa chị D và anh Anh. Do đó, cần tách phần tài sản chung và nợ chung ra, trường hợp sau này giữa các đương sự có tranh chấp và có yêu cầu thì sẽ giải quyết bằng vụ kiện khác.

[4] *Xét về án phí dân sự sơ thẩm*: Chị D phải chịu án phí ly hôn là 300.000 đồng theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Chị D đã dự nộp tiền tạm ứng án phí trước tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau được chuyển thu đối trừ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117 Luật hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Dư Mỹ D.

- Về hôn nhân: Cho chị Dư Mỹ D ly hôn với anh Nguyễn Tuấn A.

Giấy chứng nhận kết hôn số: 153/2014 ngày 19/6/2014 của Ủy ban nhân dân thị trấn S, huyện T, tỉnh Cà Mau hết hiệu lực kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật.

- Về con chung:

+ Về việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn: Giao cho chị Dư Mỹ D trực tiếp nuôi dạy cháu Nguyễn D P, sinh 15/02/2006 và Nguyễn Nhã T, sinh 29/3/2009 (các cháu hiện nay đang sống với chị D). Anh Nguyễn Tuấn A có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, anh Anh có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống với chị D; nếu anh Anh lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị D có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền

thăm nom con. Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định của pháp luật.

+ Về nghĩa vụ cấp dưỡng cho con: Anh Nguyễn Tuấn A không phải cấp dưỡng cho con.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Dư Mỹ D phải nộp án phí ly hôn là 300.000 đồng, chị D đã dự nộp tạm ứng án phí trước 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0004914 ngày 06/6/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau nay được chuyển thu đối trừ.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn luật định 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau (gửi mail);
- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS huyện Trần Văn Thời;
- UBND thị trấn S;
- Dương sự;
- Lưu HSVA, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(ĐÃ KÝ)**

Trương Huỳnh Hải